

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
TÂN THẠNH TÂY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Củ Chi, ngày 03 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM HỌC 2023-2024

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. **Tên trường:** TRƯỜNG THCS TÂN THẠNH TÂY

2. **Địa chỉ:** Số 38, Đường Láng The, Ấp 4, xã Tân Thạnh Tây, Huyện Củ Chi.

Điện thoại: 02837355718

Email: c2tanthanhtaycc.tphcm@moet.edu.vn

Website: <https://thcstanthanhtaycuchi.hcm.edu.vn/>

3. **Loại hình cơ sở giáo dục:** Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND huyện Củ Chi

4. **Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:**

4.1. Sứ mạng:

Mang đến cho học sinh một chương trình giáo dục toàn diện nhằm chuẩn bị hành trang cho các em bước vào một thế giới luôn thay đổi, đồng thời phát triển khả năng học tập suốt đời để giúp các em sẵn sàng đảm nhận những trọng trách lớn lao và đáp ứng được nhu cầu nhân lực;

Tạo dựng một môi trường thân thiện, kỷ cương, chất lượng tốt, hiệu quả cao để mỗi học sinh phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ. Cung cấp nền tảng kiến thức vững chắc cho học sinh bằng nhiều phương pháp giáo dục tích cực, tiên tiến để các em chủ động tiếp thu kiến thức, phát triển tư duy, hình thành nhân cách, rèn luyện kỹ năng sống; có khả năng thích ứng với xã hội và hội nhập quốc tế.

4.2. Tầm nhìn:

Xây dựng trường THCS Tân Thạnh Tây “Trở thành một ngôi trường có chất lượng giáo dục cao, đào tạo những người có lý tưởng sống cao đẹp, mạnh về trí lực, khỏe về thể chất, có kỹ năng sống văn minh, có tư duy độc lập, biết giữ gìn và phát huy truyền thống, bản sắc dân tộc.”; Về giá trị: “Tủ tề: Luôn đoàn kết, chia sẻ, yêu thương giúp đỡ lẫn nhau.”; “Trách nhiệm: bản thân, gia đình, cộng đồng, xã hội”; “Hội nhập: Kỹ năng làm việc, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp, giao tiếp Tiếng Anh”.

4.3. Mục tiêu:

Nhà trường đặt ra mục tiêu là tạo dựng môi trường thân thiện, tích cực, “Trường học hạnh phúc” để mỗi học sinh có cơ hội phát triển tài năng, có khả năng thích ứng mạnh mẽ và trở thành công dân tốt của thành phố, là nơi đào tạo học sinh trở thành những con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, giao tiếp ứng xử văn minh, hòa nhập tốt với cộng đồng.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

Trường THCS Tân Thạnh Tây là cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 38, Đường Láng The, Ấp 4 , xã Tân Thạnh Tây, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường Trung học cơ sở Tân Thạnh Tây được thành lập theo Quyết định số 525/QĐ-UBND, ngày 27 tháng 8 năm 1999 của UBND Huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh công nhận đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2022; Đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 theo Quyết định số 972-22/QĐ-GDĐT-KTKĐCLGD ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Diện tích toàn trường 11058 m². Trường gồm 04 dãy phòng, trong đó cả 04 dãy đều là nhà cao tầng. Trường có 28 phòng học, được xây dựng mới theo tiêu chuẩn quy định về diện tích, có đủ bàn ghế, bảng viết từ đúng quy cách, đủ điều kiện về

ánh sáng, thoáng mát. diện tích sân chơi 6525m² rộng rãi, thoáng mát đáp ứng nhu cầu học tập, vui chơi của học sinh, 100% học sinh trường được học 02 buổi/ngày. Các phòng học có diện tích trung bình 48 m², phòng học đảm bảo ánh sáng, được trang bị đầy đủ các thiết bị và đầy đủ bàn ghế đúng kích thước phù hợp với tầm vóc của học sinh. Diện tích còn lại dành cho việc trồng cây xanh, sân chơi... hỗ trợ tốt cho công tác dạy và học. Trường có hệ thống các phòng ban chức năng, trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy, chăm sóc sức khỏe, vui chơi của học sinh đầy đủ, hiện đại, theo yêu cầu của thời đại nhằm phục vụ tốt cho việc học tập của học sinh và giảng dạy của giáo viên.

Mọi hoạt động giáo dục của trường dựa vào nguồn kinh phí ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí vận động tự nguyện từ cha mẹ học sinh.

Sau 13 năm hoạt động giảng dạy và giáo dục nhà trường đã có những bước phát triển đáng ghi nhận. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên vững chuyên môn nghiệp vụ, nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy. Mỗi cá nhân xác định được trách nhiệm, khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ, tập thể đoàn kết nội bộ, thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường. Nhà trường đưa chương trình giảng dạy tiếng Anh tăng cường từ năm học 2014-2015 cho đến thời điểm hiện tại tầm 10 lớp. Nhà trường thực hiện đổi mới quản lý, đổi mới phương pháp giảng dạy, lấy học sinh làm trung tâm, giáo viên tích cực tham gia ứng dụng công nghệ thông tin vào bài giảng.

Công tác phát triển đội ngũ được nhà trường đặc biệt quan tâm: 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn. Chi bộ hiện tại có 29 đảng viên. Liên tục nhiều năm liên Chi bộ luôn đạt Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Từ năm học 2011-2012 đến năm học 2022-2023, trường liên tục được Ủy ban Nhân dân huyện tặng thưởng danh hiệu tập thể tiên tiến, Tập thể Lao động Xuất sắc. Năm học 2022-2023, nhận Bằng khen của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Thông tin người đại diện pháp luật :

Họ và tên: Phạm Hữu Lâm

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Số 38, Đường Láng The, Ấp 4, xã Tân Thạnh Tây, Huyện Củ Chi.

Số điện thoại: 0946064958

Thư điện tử: phamhuulamttt@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

- Trường Trung học cơ sở Tân Thạnh Tây được thành lập theo Quyết định số 7242/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi. Có địa chỉ số 38, Đường Láng The, ấp 2, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Trung học cơ sở Tân Thạnh Tây có nhiệm vụ tiếp nhận giảng dạy và giáo dục học sinh từ lớp 6 đến lớp 9 theo bảng phân tuyến hằng năm của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi.
- Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2023 về công nhận Hội đồng trường có tổng cộng 13 thành viên (danh sách đính kèm)
- Hiệu trưởng và một Phó hiệu trưởng được điều động và bổ nhiệm theo các quyết định:
 - + Quyết định số 952/QĐ-UBND ngày 21 tháng 2 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện Củ Chi về việc điều động và bổ nhiệm Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở Tân Thạnh Tây;
 - + Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 21 tháng 2 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện Củ chi về việc điều động và bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở Tân Thạnh Tây;
- Các tổ chức hoạt động hằng năm của đơn vị đều được xây dựng Quy chế và thông qua Hội đồng trường trước khi ban hành hành Quyết định
- + Quyết định số 88/QC-THCSTTT 31/08/2023 QĐ về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động năm học 2023-2024;

+ Quyết định số 121/QĐ-THCSTTT 30/10/2023 Quy chế dân chủ năm học 2023-2024.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường, năm học 2023-2024.

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	48		2	40		3	3	4	40		44			
I	Giáo viên	40		1	39							39			
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	6		1	5				1	5		6			
2	Lý	1			1					1		1			
3	Hóa	2			2					2		2			
4	Sinh	3			3					3		3			
5	Sử	4			4					4		4			
6	Địa	2			2					2		2			
7	Văn	7			7					7		7			
8	CN	3			3					3		3			
9	Nhạc	1			1				1			1			
10	MT	1			1					1		1			
11	GDCD	1			1				1			1			
12	TA	5			5					5		5			

13	Tin	2			2				2		2			
14	TĐTT	2			2			1	1		2			
II Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng	1		1					1		1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1				1		1			
III Nhân viên		6												
1	Nhân viên văn thư	1					1							
2	Nhân viên kế toán													
3	Thủ quỹ													
4	Nhân viên y tế	1					1							
5	Nhân viên thư viện													
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm													
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật													
8	Nhân viên công nghệ thông tin													
9	BV. PV	4					1	3						

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	28	Số 1,4 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	28	1.2
2	Phòng học bán kiên cố	00	-
3	Phòng học tạm	00	-
4	Phòng học nhờ	00	-

5	Số phòng học bộ môn	05	1.8
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	43	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	11.058	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	6.860	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.680m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	480 m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	90m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	480m ²	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	60 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	70	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp6	2	5/Lớp
1.2	Khối lớp7	3	6/Lớp
1.3	Khối lớp8	20	5/Lớp
1.4	Khối lớp9	16	4/Lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	00	
2.1	Khối lớp...	00	
2.2	Khối lớp...	00	

2.3	Khối lớp...	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	45	1 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	15	
2	Cát xét	4	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	
5	Thiết bị khác...		
6			

I.

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi		15/20 lớp
2	Cát xét		4/20 lớp
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		3/20lớp

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện	Số chỗ	Diện tích bình
--	----------	---------------------------	--------	----------------

		tích (m ²)		quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	00		
XIII	Khu nội trú	00		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02		06		0.8
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh công nhận đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2022; Đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 theo Quyết định số 972-22/QĐ-GDĐT-KTKĐCLGD ngày 27 tháng 4 năm 2022

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	739	224	184	152	179
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		207 (92.41%)	169 (91.85%)	141 (92.76%)	179 (100%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		17 (7.59%)	15 (8.15%)	5 (5.92%)	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				2 (1.32%)	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
II	Số học sinh chia theo học lực	739	224	184	152	179
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	318 (43.03%)	88 (39.29%)	84 (45.65%)	60 (39.47%)	86 (84.04%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	258 (34.91%)	75 (33.84%)	54 (29.35%)	61 (40.13%)	68 (37.99%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	161 (21.79%)	59 (26.33%)	46 (25%)	31 (20.39%)	25 (13.97%)
4	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	107 (19.11%)	47 (20.98%)	36 (19.57%)	24 (15.79%)	
5	Chưa Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	31 (5.54%)	14 (6.25%)	10 (5.43%)	7 (4.61%)	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	739	224	184	152	179
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	737 (99.70%)	222 (99.1%)	184 (100%)	152 (100%)	179 (100%)

a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	318 (43.03%)	88 (39.29%)	84 (45.65%)	60 (39.47%)	86 (84.04%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	258 (34.91%)	75 (33.84%)	54 (29.35%)	61 (40.13%)	68 (37.99%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	31 (5.54%)	14 (6.25%)	10 (5.43%)	7 (4.61%)	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	2 (0.3%)	2 (0.9%)			
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	16/17	6/7	5/4	4/4	1/2
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)					
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	3	1			2
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện					
2	Cấp tỉnh/thành phố					
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	179				179
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	179				179
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	86 (84.04%)				86 (84.04%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	68 (37.99%)				68 (37.99%)
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	25 (13.97%)				25 (13.97%)
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so					

	với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	355/384	120/104	87/97	69/83	79/100
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	14	5	2	2	5

V. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công tác thu học phí

Thực hiện Công văn số 13823/UBND-GDĐT ngày 23 tháng 10 năm 2023 của uỷ ban nhân dân huyện Củ Chi về việc điều chỉnh quy định và thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn huyện Củ Chi năm học 2023 – 2024. Nên nhà trường thực hiện tạm thu đến ngày 15/02/2024 như sau:

- **Tổng số lớp: 19 lớp**
- **Tổng số học sinh: 739 học sinh, trong đó:**
 - + 3 học sinh thuộc diện hộ nghèo, được miễn 100%
- **Tổng số học sinh phải thu: 736 học sinh, trong đó**
 - + 25 học sinh (thuộc diện hộ cận nghèo) đóng 50%
 - + 711 học sinh đóng 100%
 - + **Tạm thu đầu năm học là: 83.565.000 đồng.**

Đến ngày 16/02/2024 nhà trường thực hiện theo công văn số 667/UBND-GDĐT ngày 22/01/2024 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố và hướng dẫn thu, sử dụng học phí năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện nên nhà trường không thực hiện thu học phí của học sinh.

- Đã hoàn trả toàn bộ số tiền đã tạm thu cho học sinh là: **83.565.000 đồng. (Danh sách đính kèm)**

- Hiện tại nhà trường không thu học phí.

2. Về các khoản thu

- Thực hiện theo công văn số: 13823/UBND-GDĐT, ngày 23/10/2023 về việc điều chỉnh quy định thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn huyện Củ chi năm học 2023-2024.

Trường THCS Tân Thạnh Tây thực hiện các khoản thu bao gồm:

2.1 Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày : 80.000 đ/hs/tháng/ 9 tháng

Tổng số học sinh: 739 học sinh, trong đó:

+ 3 học sinh thuộc diện hộ nghèo, được miễn 100%

Tổng số học sinh phải thu: 736 học sinh, trong đó

+ 25 học sinh (thuộc diện hộ cận nghèo) đóng 50%

+ 711 học sinh đóng 100%

Số tiền phải thu: 520.920.000 đồng

+ 711 x 100% x 80.000 x 9 = 511.920.000 đồng

+ 25 x 50% x 80.000 x 9 = 9.000.000 đồng

• **Số tiền đã thu: 479.240.000 đồng**

• **Đối với 711 học sinh đóng 100%: 471.360.000 đồng**

+ 35 hs x 4 tháng x 80.000 = 11.200.000 đồng

+ 2 hs x 5 tháng x 80.000 = 800.000 đồng

+ 638 hs x 9 tháng x 80.000 = 459.360.000 đồng

• **Đối với 25 học sinh đóng 50%: 7.880.000 đồng**

+ 2 hs x 4 tháng x 40.000 = 320.000 đồng

+ 21 hs x 9 tháng x 40.000 = 7.560.000 đồng

• **Số tiền chưa thu : 41.680.000 đồng**

• **Đối với 711 học sinh đóng 100% : 40.560.000 đồng**

+ 2 hs x 4 tháng x 80.000 = 640.000 đồng

+ 35 hs x 5 tháng x 80.000 = 14.000.000 đồng

+ 36 hs x 9 tháng x 80.000 = 25.920.000 đồng

• **Đối với 25 học sinh đóng 50% : 1.120.000 đồng**

+ 2 hs x 5 tháng x 40.000 = 400.000 đồng

+ 2 hs x 9 tháng x 40.000 = 720.000 đồng

2.2 Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tiếng Anh: 70.000 đ/hs/tháng / 9 tháng (thực hiện ở 03 lớp 6a1, 7a5, 9a1)

Tổng số học sinh: 125 học sinh

Tổng số học sinh phải thu: 125 học sinh

Số tiền phải thu: 78.750.000 đồng

+ 125 hs x 9 tháng x 70.000 = 78.750.000 đồng

• **Số tiền đã thu: 76.720.000 đồng**

+ 4 hs x 4 tháng x 70.000 = 1.120.000 đồng

+ 120 hs x 9 tháng x 70.000 = 75.600.000 đồng

• **Số tiền chưa thu : 2.030.000 đồng**

+ 4 hs x 5 tháng x 70.000 = 1.400.000 đồng

+ 1 hs x 9 tháng x 70.000 = 630.000 đồng

2.3. Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống: 65.000 đ/hs/tháng, thực hiện 9 tháng.

Tổng số học sinh: 739 học sinh

Tổng số học sinh phải thu: 739 học sinh

Số tiền phải thu: 432.315.000 đồng

+ 739 hs x 9 tháng x 65.000 = 432.315.000 đồng

- **Số tiền đã thu: 395.785.000 đồng**
 - + 37 hs x 4 tháng x 65.000 = 9.620.000 đồng
 - + 2 hs x 5 tháng x 65.000 = 650.000 đồng
 - + 659 hs x 9 tháng x 65.000 = 385.515.000 đồng
- **Số tiền chưa thu: 36.530.000 đồng**
 - + 2 hs x 4 tháng x 65.000 = 520.000 đồng
 - + 37 hs x 5 tháng x 65.000 = 12.025.000 đồng
 - + 41 hs x 9 tháng x 65.000 = 23.985.000 đồng

Cuối năm học Công ty Cổ phần Giáo dục Kỹ Năng sống GAIA hỗ trợ nhà trường số tiền: 36.530.000 đồng.

Số tiền nợ đến hiện tại là: 0 đồng.

2.4 Tiền nước uống: 15.000 đ/hs/tháng, thực hiện 9 tháng.

Tổng số học sinh: 739 học sinh

Tổng số học sinh phải thu: 739 học sinh

Số tiền phải thu: 99.765.000 đồng

+ 739 hs x 9 tháng x 15.000 = 99.765.000 đồng

- **Số tiền đã thu: 91.335.000 đồng**
 - + 37 hs x 4 tháng x 15.000 = 2.220.000 đồng
 - + 2 hs x 5 tháng x 15.000 = 150.000 đồng
 - + 659 hs x 9 tháng x 15.000 = 88.965.000 đồng
- **Số tiền chưa thu: 8.430.000 đồng**
 - + 2 hs x 4 tháng x 15.000 = 120.000 đồng
 - + 37 hs x 5 tháng x 15.000 = 2.775.000 đồng
 - + 41 hs x 9 tháng x 15.000 = 5.535.000 đồng

3. Về công khai các khoản thu

Báo cáo về việc thực hiện công khai các khoản thu hàng quý theo quy chế hoạt động của đơn vị.

Công khai trong cuộc họp tập thể sư phạm nhà trường, cuộc họp phụ huynh học sinh. Các khoản thu đã được giáo viên chủ nhiệm triển khai trong các cuộc họp cha mẹ học sinh cuối học kỳ, cuối năm. Công khai qua nhóm Zalo của lớp và của cha mẹ học sinh. Niêm yết trên bảng thông báo của nhà trường.

Hàng tháng có in phiếu thông báo nhắc đóng tiền gửi cho cha mẹ học sinh còn nợ. Trong cuộc họp giao ban với giáo viên chủ nhiệm hàng tuần có thông báo số học sinh chưa đóng tiền, giáo viên chủ nhiệm nhắc nhở các em và phụ huynh.

Kết quả thu chi hoạt động

Đvt: triệu đồng

TT	Chỉ số thống kê	Năm BC (2024)	Năm liền kề năm báo cáo (2023)
A	Tổng thu hoạt động	15.052.586.000	13.699.665.800
1	<i>Ngân sách nhà nước</i>	<i>13.103.406.000</i>	<i>11.827.155.800</i>
a	Chi thường xuyên	6.173.811.000	7.523.776.800
b	Cải cách tiền lương	6.929.595.000	4.303.379.000
2	<i>Học phí</i>	<i>666.000.000</i>	<i>687.015.000</i>
3	<i>Thu khác</i>	<i>1.283.180.000</i>	<i>1.115.355.000</i>
4	<i>Thu hộ chi hộ</i>	<i>-</i>	<i>70.140.000</i>
B	Tổng chi	15.033.586.000	13.305.698.513
1	<i>Chi ngân sách nhà nước</i>	<i>13.103.406.000</i>	<i>11.827.155.800</i>
a	Tiền lương và thu nhập	11.897.774.000	10.181.169.675
	Chi thường xuyên	4.968.179.000	5.877.790.675
	Cải cách tiền lương	6.929.595.000	4.303.379.000
b	Cơ sở vật chất	115.000.000	148.879.560
c	Chi khác	1.090.632.000	1.497.106.565
2	<i>Học phí</i>	<i>666.000.000</i>	<i>483.996.361</i>
3	<i>Thu khác</i>	<i>1.264.180.000</i>	<i>939.876.392</i>
4	<i>Thu hộ chi hộ</i>	<i>-</i>	<i>54.669.960</i>

C	Số dư các quỹ	19.000.000	333.788.748
1	<i>Quỹ Bổ sung thu nhập</i>	1.900.000	175.318.371
2	<i>Quỹ Phúc lợi</i>	5.510.000	121.753.615
3	<i>Quỹ Khen thưởng</i>	190.000	3.337.888
4	<i>Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp</i>	11.400.000	33.378.874
D	<i>Chính sách miễn giảm theo Nghị định 81</i>	20.235.000	25.410.000
1	<i>Miễn, Giảm học phí/học phí hai buổi</i>	15.885.000	15.480.000
2	<i>Miễn học phí cho HS dân tộc Chăm-Khmer</i>	1.350.000	2.430.000
3	<i>Hỗ trợ chi phí học tập</i>	3.000.000	7.500.000

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Những việc đã làm được:

- Nền nếp hoạt động của các tổ chức, bộ phận trong nhà trường luôn ổn định, các hoạt động thi đua dạy tốt và học tốt diễn ra khá sôi nổi.
- Việc thực hiện qui chế chuyên môn khá nghiêm túc và đầy đủ theo qui định của ngành.
- Tích cực sử dụng ĐDDH khi lên lớp.
- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch năm học.
- Đạt giải phong trào hội thi Nghi thức Đội cấp Huyện
- Phổ cập bơi lội thực hiện theo đúng kế hoạch.
- Vận động ra lớp 6 (100%)
- Đạt chuẩn quốc gia PC THCS
- Học sinh giỏi cấp huyện 19 em trong năm học.
- Chi bộ: Hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2023

- Hiệu suất đào tạo: 93.23% (tăng 0.85 so năm học 2022-2023)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lâm